

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: **39/2026/HS-ST**
Ngày: 20/03/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Bà Nguyễn Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm - Hội trường A - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai và điểm cầu thành phần - Hội trường xét xử trực tuyến - Phân trại tạm giam khu vực H (Cơ sở 01) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HS ngày 09/3/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc H**; sinh năm: 1988, tại Đồng Nai; Nơi thường trú: Tổ A, khu phố A G, phường B, tỉnh Đồng Nai; CCCD số 0751.8801.6685 cấp ngày 12/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn Q (đã chết); Họ tên mẹ: Trương Thị M, sinh năm 1954; Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 05 anh em; Bị cáo có chồng là anh Phan Thanh H1, sinh năm: 1981; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 03/9/2025 và bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam H (Cơ sở 1) cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lữ K**, sinh năm: 1966.
(Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường X, tỉnh Đồng Nai.

* *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Phạm Văn H2, ông Trần Việt H3 - điểm cầu Phân trại tạm giam H - Cơ sở 1. *(Có mặt tại điểm cầu thành phần)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1988 trú tại phường B, tỉnh Đồng Nai là đối tượng nghiện hút ma túy, để có ma túy sử dụng ngày 25/8/2025, H đi xe khách đến bến xe M thuộc thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh mua của 01 người đàn ông tên T (bản thân H không biết rõ nhân thân, lai lịch) 2.000.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, H đưa về nhà mình để sử dụng một mình, số ma túy còn lại H bỏ vào hũ nhựa quán băng keo màu đen, cắt dấu để lần sau sử dụng. Đến khoảng 18 giờ ngày 02/9/2025, H một mình đi đến nhà của Lữ K, sinh năm 1966 trú tại tổ B, khu phố B, phường X, tỉnh Đồng Nai chơi, khi đi H có mang theo ma túy, khi đến nhà K, H đã cắt dấu hũ nhựa quán băng keo màu đen bên trong là ma túy ở chậu cây kiềng phía sau nhà rồi ở lại trong nhà của Lữ K.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/9/2025, Công an phường X, tỉnh Đồng Nai tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà ở của Lữ K phát hiện 01 nỏ thủy tinh hình chữ V trong phòng ngủ của K, kiểm tra xung quanh nhà phát hiện 01 hũ nhựa quán băng keo màu đen bên trong có 01 gói tinh thể màu trắng, ngay lúc này Công an phường X tiến hành xét nghiệm nhanh đối với Lữ K và Nguyễn Thị Ngọc H phát hiện cả 02 người đều dương tính với chất ma túy. Qua đấu tranh nhanh, Lữ K đã khai nhận 01 nỏ thủy tinh hình chữ V là của K dùng để sử dụng ma túy trước đó, H khai nhận 01 hũ nhựa quán băng keo màu đen bên trong có 01 gói tinh thể màu trắng là ma túy đá của H cắt dấu trong chậu cây kiềng sau nhà K, Công an phường X đã tiến hành lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Ngọc H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ Kết luận giám định số 2010/KL-KTHS ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 8,8456gam, loại Methamphetamine.

Căn cứ Kết luận giám định số 2011/KL-KTHS ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất màu nâu bám trong nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vệt, không xác định được khối lượng.

Quá trình điều tra, bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 51/CT.VKS-KV4 ngày 20/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H mức án tù 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện viện kiểm sát còn đề nghị hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với phát biểu luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo

L khai của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm

tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận giám định ... Từ đó, có đủ căn cứ để xác định:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/9/2025 Công an phường X, tỉnh Đồng Nai phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc H về hành vi tàng trữ trái phép 8,8456 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025):

Điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

g) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

... ”

Vì vậy, Cáo trạng số 51/CT.VKS-KV4 ngày 20/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

X tính chất của vụ án nhận thấy, tình hình tội phạm ma túy trong xã hội nói chung và trên địa bàn phường B nói riêng luôn có chiều hướng phức tạp, với tính chất phạm tội ngày càng nghiêm trọng và tinh vi, đã trở thành nỗi lo của nhiều gia đình, gây nhức nhối cho xã hội. Hậu quả do tệ nạn ma túy gây ra rất nghiêm trọng, làm tổn hại sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức, ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, cũng biết rõ việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy trái phép dưới bất kỳ hình thức nào đều bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, cần thiết áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo cải tạo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền ...*”. Tuy nhiên, do bị cáo không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án

- 8,7546 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, không được phép sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) nỏ thủy tinh sử dụng ma túy liên quan đến vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với Lữ Khanh thì số ma túy do Nguyễn Thị Ngọc H cất giấu ở chậu cây kiểng phía sau nhà của K nhưng K hoàn toàn không biết việc H cất giấu ma túy nên Lữ K không có vai trò đồng phạm với Nguyễn Thị Ngọc H về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, khi tiến hành xét nghiệm nhanh kết quả, Lữ Khanh dương tính với ma túy là do trước đó K mua ma túy về sử dụng một mình tại nhà. Quá trình điều tra, xác minh Lữ K không thuộc trường hợp cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện nên hành vi của Lữ K không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 256a BLHS. Cơ quan điều tra lập hồ sơ xử phạt hành chính là có căn cứ.

- Đối với đối tượng tên Tí người bán ma túy cho Nguyễn Thị Ngọc H (bản thân H không biết lai lịch của Tí), xác minh tại Công an phường B, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có căn cứ để xử lý.

[7] Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai: Tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ, có phần phù hợp với các tình tiết của vụ án và nhận định của HĐXX nên chấp nhận một phần.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H **05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì theo Kết luận giám định số 2010/KL-KTHS ngày 10/09/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ có khối lượng còn lại là 8,7546 gam ma túy loại Mathamphetamine.

- Tịch thu tiêu hủy 01 nỏ thủy tinh được niêm phong trong phong bì theo Kết luận giám định số 2012/KL-KTHS ngày 10/09/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 - Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/01/2026 giữa Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 - Đồng Nai và Công an tỉnh Đ).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai;
- CA tỉnh Đồng Nai (Phòng hồ sơ);
- Phòng THADS khu vực 4 – Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh